

Số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14-4-2026

“Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Nam Anh Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Xuân Tiến;

2. Ông Siu Thun Phrào.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa:*** Ông Trần Ngọc Anh - Kiểm sát viên,

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 11 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **R** H'iek, sinh năm 1966; Địa chỉ: **Thôn P, xã C, tỉnh Gia Lai**. CCCD số 064166003451. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Kpă T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: **Thôn P, xã C, tỉnh Gia Lai**. CCCD số 064064002595. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Bà **H'Bing Buôn Y** – Cán bộ hưu trí **xã C, tỉnh Gia Lai**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **R** H'iek trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, bà và ông **Kpă T** tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1992 mà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định, nguyên nhân là vì ông bà không hiểu biết pháp luật nên không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung với nhau tại **xã N, huyện C (nay là xã C), tỉnh Gia Lai**. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai người tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ năm 1993 cho đến nay. Hiện ông **T** sinh sống tại **thôn P, xã C**; còn bà H'iek sinh

sống tại thôn P, xã C. Do đó, bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kpă T.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Rmah H, sinh năm 1993. Hiện chị Rmah H đã thành niên có gia đình riêng. Nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – ông Kpă T trình bày :

Về hôn nhân: Ông và bà R H'iek tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1992 mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông bà sống chung với nhau được một thời gian ngắn thì sống ly thân từ năm 1993 cho đến nay. Ông bà có 01 người con chung là Rmah H, sinh năm 1993. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà R H'iek.

Về con chung và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 495/UBND-VP ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã C có nội dung: Sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã và tra cứu trên hệ thống phần mềm hộ tịch tài khoản của UBND xã thì không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Kpă T và bà R H'iek.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án.

Về hôn nhân: Căn cứ theo Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà R H'iek và ông Kpă T là vợ chồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà R H'iek phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 30/01/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Gia Lai đã thụ lý vụ án theo đơn khởi của bà R H'iek; yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Kpă T và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của bà R

H'iek đúng quy định, ông **Kpă T** có nơi cư trú tại **xã C, tỉnh Gia Lai** nên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại **khoản 1 Điều 28**, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông **Kpă T** có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông **Kpă T**.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Ông **Kpă T** và bà **R** H'iek chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội; khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận ông **Kpă T** và bà **R** H'iek là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là **Rmah H**, sinh năm 1993. Hiện đã thành niên có gia đình riêng. Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc bà **R** H'iek phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; khoản 4 Điều 3 Thông tư

liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp;

- Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà **R** H'iek và ông **Kpă T** là vợ chồng.

2. Về con chung và tài sản chung: Miễn xét.

3. Về án phí: Buộc bà **R** H'iek phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001047 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11, tỉnh Gia Lai;
- THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Nam Anh Chinh